

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Bá Đường
2. Ông Dương Quý Sáng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Mã C - Sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn 1 T, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị M - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 1 T, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/02/2024, bản tự khai ngày 01/3/2024 và lời khai tại phiên tòa của anh Vũ Mã C thì anh và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 22/11/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Vũ Mã C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị M.

Đối với chị Bùi Thị M, tại bản tự khai ngày 29/3/2024 thì chị cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và làm ăn phát triển kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục được và anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh Vũ Mã C xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai anh chị xác nhận có 03 con chung là cháu Vũ Đức M1, sinh ngày 29/12/1999; cháu Vũ Kim O, sinh ngày 04/11/2005 và cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 04/10/2010, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với anh. Riêng hai cháu lớn đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Còn đối với cháu Vũ Minh Q, hai anh chị đều có nguyện vọng để anh Vũ Mã C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành và chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Hai anh chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung; không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với vụ án này, nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Mặt khác Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì chị Bùi Thị M vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Mã C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn chị Bùi Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và cũng giữ nguyên yêu cầu nguyện vọng của mình. Như vậy cần xét xử vắng mặt chị là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 27/02/2024, anh Vũ Mã C khởi kiện yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với chị Bùi Thị M nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Hiện nay chị Bùi Thị M đang cư trú tại thôn 1 T, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho bị đơn là chị Bùi Thị M nhưng chị đều vắng mặt. Tuy nhiên chị có đơn đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt chị là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Mã C và chị Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 22/11/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn chấp nhận yêu cầu được ly hôn của anh Vũ Mã C đối với chị Bùi Thị M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Còn đối với chị Bùi Thị M thì cũng thừa nhận mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp hay bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và làm ăn phát triển kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục được và anh chị đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh Vũ Mã C xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai anh chị có 03 người con chung đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Riêng cháu Vũ Đức M1 và cháu Vũ Kim O đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 04/10/2010, thì căn cứ vào điều kiện thu nhập của anh Vũ Mã C, nguyện vọng của cháu và xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo sự ổn định về tâm lý, cũng như sinh hoạt của cháu nên Hội đồng xét xử căn giao cháu cho anh Vũ Mã C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Vũ Mã C và chị Bùi Thị M không yêu cầu giải quyết về tài sản; không nợ ai và không cho ai vay mượn gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Mã C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Mã C ly hôn với chị Bùi Thị M.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Mã C và chị Bùi Thị M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 04/10/2010 cho anh Vũ Mã C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Bùi Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Mã C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001199 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Anh Vũ Mã C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- THADS huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã K, huyện B;
- Đương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam

